

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 283/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 7 – 2024

V/v “Tranh chấp của nam, nữ  
chung sống với nhau như vợ chồng  
mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

**- Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Trường Hận

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đoàn Thúy Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị L, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B.M II, xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp C.N B, xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Vũ Văn Th, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B.M II, xã K.H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 27/3/2024 và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

**- Về hôn nhân:** Bà Đinh Thị L và ông Vũ Văn Th xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Nông trường X thuộc xã K.H, huyện T, tỉnh Minh Hải. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai

bên chấp thuận. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ, chồng vẫn hạnh phúc, sau đó thì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nguyên nhân theo bà L cho rằng do ông Th rượu chè sa đà, không quan tâm đến gia đình, bỏ bê công việc, bà và gia đình hai bên khuyên ngăn rất nhiều lần nhưng không được. Vì thế, bà nhận thấy tình cảm của bà với ông Th không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ, chồng được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được chấm dứt quan hệ vợ, chồng với ông Th. Theo ông Th cho rằng vợ, chồng sống với nhau phải biết cảm thông, chia sẻ, bàn bạc mọi vấn đề trong gia đình nhưng vợ ông làm gì cũng không cho ông biết, đến khi vỡ ra thì thâm hụt, nợ nần rất nhiều người. Tuy nhiên, do vợ, chồng sống với nhau mấy chục năm, giờ đã có tuổi nên ông không muốn ly hôn với bà L. Nếu bà L cương quyết ly hôn với ông thì do Tòa án xem xét, quyết định.

- Về con chung: Bà L và ông Th xác định giữa ông, bà có 02 người con chung là Vũ Công Th1, sinh năm 1998 và Vũ Diệu L, sinh năm 2004, hiện các con ông, bà đã thành niên và sống riêng tư nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L và ông Th xác định, vợ chồng có tài sản nhưng để ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình khởi kiện, bà L xác định không có, tại phiên tòa, bà L khai nhận có nợ nhưng bà không biết được đầy đủ họ, tên và địa chỉ cụ thể của các chủ nợ. Ông Th không xác định được bà L nợ những ai, số tiền bao nhiêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng dân sự: Về loại việc và thẩm quyền của Toà án: Tranh chấp giữa bà Đinh Thị L và ông Vũ Văn Th là “Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, bà Đinh Thị L và ông Vũ Văn Th có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1996 đến 2022. Theo bà L và ông Th trình bày, giữa ông, bà có đăng ký kết hôn tại Nông trường X. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì “Việc kết hôn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định; mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý”. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà L và ông Th đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay bà L có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống, ông, bà luôn bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, vợ chồng và thường xuyên cãi vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, bà L xác định tình cảm

vợ, chồng giữa bà với ông Th không còn nên bà với ông Th đã tự sống ly thân nhiều năm qua.

Theo tinh thần tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ, chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 3 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ có đăng ký kết hôn nhưng việc kết hôn đăng ký tại không đúng cơ quan có thẩm quyền (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) mà có yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ đồng thời hủy Giấy chứng nhận kết hôn... Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét mâu thuẫn thực tế của bà L và ông Th đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Th1 và cháu L đã thành niên và có khả năng tự lập cuộc sống riêng nên không đặt ra xem xét trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông Th xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L khai nhận có nợ người khác nhưng bà không cung cấp họ, tên và địa chỉ các chủ nợ cho Tòa án biết để mời làm việc. Vì vậy, khoản nợ của bà L không thể xem xét trong vụ án này nên được tách ra, khi nào các chủ nợ có yêu cầu sẽ xem xét Th1 vụ kiện khác.

[6] Đối với Giấy chứng nhận kết hôn do Nông trường X cấp ngày 01/4/1996 cho bà Đinh Thị L và ông Vũ Văn Th là không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Luật hôn nhân và gia đình, Luật hộ tịch, Luật cư trú quy định nên cần hủy Giấy chứng nhận kết hôn này là có căn cứ.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà L là nguyên đơn nên bà phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà L và ông Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;
- Căn cứ các Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 3 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị L và ông Vũ Văn Th.

2 - Về con chung: Hiện đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

3 - Về tài sản chung: Bà L và ông Th xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xử lý.

4 - Về nợ chung: Không đề cập giải quyết trong vụ án này.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Đinh Thị L phải chịu 300.000đ, ngày 03 tháng 4 năm 2024, bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: 4802 được đối trừ chuyển thu.

6 - Hủy Giấy chứng nhận kết hôn do Nông trường X cấp ngày 01/4/1996 cho bà Đinh Thị L và ông Vũ Văn Th.

7 - Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị L và ông Vũ Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã K.H, huyện T.V.T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hứa Minh Hải**